

Tiết 3:

Toán

BÀI 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG

SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

– HS viết được số đo độ dài, khối lượng, diện tích, dung tích dưới dạng số thập phân và vận dụng được viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

– HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học,...

2. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực cách viết số đo đại lượng dưới dạng thập phân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng cách viết số đo đại lượng dưới dạng thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi, máy soi, PBT

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Khởi động: (2-3’)</p> <p>- GV mở bài hát vui nhộn để khởi động tiết học</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p> <p>2. Luyện tập: (28-30’)</p> <p>Bài 1:</p> <p><i>Tìm số thập phân thích hợp.</i></p> <p>a) $8\text{ m } 7\text{ dm} = ?\text{ m}$</p> <p>$4\text{ m } 6\text{ cm} = ?\text{ m}$</p> <p>$5\text{ cm } 6\text{ mm} = ?\text{ cm}$</p>	<p>- HS vận động theo bài hát</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

$$b) 215 \text{ cm} = ? \text{ m}$$

$$76 \text{ mm} = ? \text{ cm}$$

$$9 \text{ mm} = ? \text{ cm}$$

- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở; trao đổi kết quả với bạn cùng bàn.

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả, cả lớp nhận xét bài làm của bạn.

- GV chữa bài, chốt đáp án.

+ Nêu cách làm phần a?

+ Em có nhận xét gì về các đơn vị đo ở phần b?

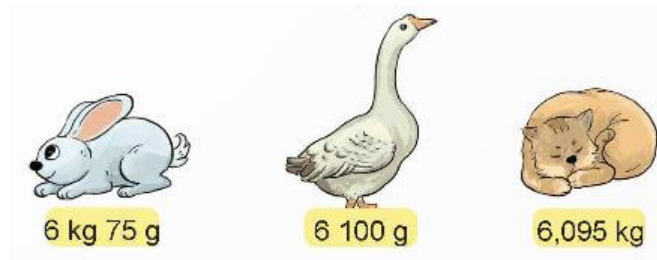
+ Em dựa vào kiến thức nào làm bài tập?

- GV nhận xét

=> Chốt: Bài tập giúp HS viết được số đo độ dài dưới dạng số thập phân.

Bài 2:

Các con vật có cân nặng như hình vẽ.



a) Tìm số thập phân thích hợp.

$$6 \text{ kg } 75 \text{ g} = ? \text{ kg} \quad 6 \text{ 100 g} = ? \text{ kg}$$

- HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.

- 1 HS chia sẻ

- Kết quả:

$$a) 8 \text{ m } 7 \text{ dm} = 8,7 \text{ m}$$

$$4 \text{ m } 6 \text{ cm} = 4,06 \text{ m}$$

$$5 \text{ cm } 6 \text{ mm} = 5,6 \text{ cm}$$

$$b) 215 \text{ cm} = 2,15 \text{ m}$$

$$76 \text{ mm} = 7,6 \text{ cm}$$

$$9 \text{ mm} = 0,9 \text{ cm}$$

- HS chữa bài vào vở.

b) Chọn câu trả lời đúng.

Con vật nào nặng nhất?

A. Thỏ. B. Ngỗng. C. Mèo.

- GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK, thảo luận theo nhóm đôi (cùng bàn).

- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở, chia sẻ kết quả với bạn.

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại quan sát bài làm của bạn.

+ Giải thích cách làm phần a?

+ Vì sao em chọn đáp án B?

- GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án.

=> Chốt: Đáp án đúng lên màn hình

Bài 3:

a) Tìm số thập phân thích hợp.

6 l 260 ml = ? l 3 452 ml = ? l

5 l 75 ml = ? l 750 ml = ? l

b) Sắp xếp các số thập phân tìm được ở câu a theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài, thảo luận nhóm đôi (cùng bàn) trả lời câu hỏi sau:

“Em hãy nhắc lại các đơn vị đo dung tích đã học và mối quan hệ giữa các đơn vị đo đó”.

- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.

- HS thực hiện

- HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.

- HS chia sẻ

- Vì $6,1 \text{ kg} > 6,07 \text{ kg}$; $6,1 \text{ kg} > 6,095 \text{ kg}$

nên Ngỗng là con vật nặng nhất.

Chọn đáp án B.

- HS chữa bài vào vở.

- HS thực hiện

Các đơn vị đo dung tích đã học là: lít (l) và mi – li – lít (ml)

$1 \text{ l} = 1\,000 \text{ ml}$

- Soi bài

+ Nêu lại cách so sánh số thập phân?

- GV nhận xét

=> Chú ý dựa vào mối quan hệ trong bảng đơn vị đo dung tích để làm tốt bài tập.

- HS chia sẻ bài

Bài 4:

Chọn câu trả lời đúng.

Có ba bức tranh tường:

+ *Bức tranh về bảo vệ môi trường có diện tích là $5,3 m^2$.*

+ *Bức tranh về an toàn giao thông có diện tích là $5 m^2 8 dm^2$.*

+ *Bức tranh về phòng chống dịch Covid có diện tích là $5 m^2 9 dm^2$.*



Bức tranh nào có diện tích bé nhất?

A. Bức tranh về bảo vệ môi trường.

B. Bức tranh về an toàn giao thông.

C. Bức tranh về phòng chống dịch Covid.

- GV cho HS làm bài cá nhân vào PBT

- GV mời 1 HS trình bày kết quả, nêu rõ cách làm

- HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.

- 1HS chia sẻ

Ta có: $5 m^2 8 dm^2 = 5,08 m^2$

<p>- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>=> GV nhận xét, chữa bài và thống nhất kết quả.</p> <p>3. Vận dụng, trải nghiệm: (1-2’)</p> <p>- GV nhận xét tiết học</p>	<p>$5\text{ m}^2\ 9\text{ dm}^2 = 5,09\text{ m}^2$</p> <p><i>Bức tranh về an toàn giao thông có diện tích là $5,08\text{ m}^2$.</i></p> <p><i>Bức tranh về phòng chống dịch Covid có diện tích là $5,09\text{ m}^2$.</i></p> <p><i>Diện tích của các bức tranh theo thứ tự từ lớn đến bé là: $5,3\text{ m}^2$; $5,09\text{ m}^2$; $5,08\text{ m}^2$.</i></p> <p><i>Vậy bức tranh về bảo vệ môi trường có diện tích lớn nhất.</i></p> <p>Chọn đáp án A.</p> <p>- HS chữa bài vào vở.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------